

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Xuân Mồ	Chủ tịch (miễn nhiệm và giữ chức vụ Ủy viên ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Đỗ Văn Cường	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Phạm Chu Tử	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Bùi Công Toanh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Ủy viên
Ông Ngô Giang Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Phước	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Chu Tử	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Vũ Văn Duân	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Đình Phước	Phó Giám đốc
Ông Vương Duy Tú	Phó Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Chu Tử
Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2013

Số: 356 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 8 năm 2013, từ trang 4 đến trang 22. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang thực hiện dự án “Thi công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát” tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng ký với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, khối lượng thi công thực tế đã hoàn thành vượt cao hơn thỏa thuận trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký kết là do Công ty thực hiện thêm các phần việc phát sinh theo yêu cầu của PVC trong quá trình thi công. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, nếu được PVC phê duyệt khối lượng thi công theo số đã được thẩm định bởi Viện Kinh tế Xây dựng thì doanh thu còn được ghi nhận khoảng 63.641 triệu VND. Công ty chưa ghi nhận doanh thu và giá vốn tương ứng của dự án này trong 6 tháng đầu năm 2013 do chưa có thỏa thuận chính thức với PVC.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính riêng đến các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 145.642.523.468 VND, số lỗ lũy kế của Công ty là 250.571.149.945 VND. Trong 6 tháng đầu năm 2013, Công ty gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong 12 tháng tới, khả năng tìm kiếm các hợp đồng mới và tăng cường thu hồi nợ phải thu. Kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày trong Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong năm 2012, công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng đang trong quá trình triển khai thi công thì bất ngờ gặp sự cố. Chủ đầu tư dự án là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc, nhà thầu chính là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), đơn vị thi công phần cọc là Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và lắp máy Dầu Khí (PVC - ME) và đơn vị thi công phần thân và mặt cầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí miền Trung (PVC - MT). Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình này đang phản ánh trên khoản mục hàng tồn kho thuộc bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền 16.114.334.727 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, phần trách nhiệm của các bên liên quan đến sự cố này chưa được xác định cụ thể. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào (có thể có) phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn nêu trên.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 22 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		449.902.952.700	552.000.341.044
I. Tiền	110	5	2.451.179.049	3.174.926.084
1. Tiền	111		2.451.179.049	3.174.926.084
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		308.277.208.456	339.653.875.251
1. Phải thu khách hàng	131		98.081.026.049	99.054.133.347
2. Trả trước cho người bán	132		19.870.504.962	19.059.959.666
3. Phải thu nội bộ	133		69.740.402.494	73.995.665.725
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	119.998.303.772	136.842.352.027
5. Các khoản phải thu khác	135		14.382.018.707	13.138.230.489
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(13.795.047.528)	(2.436.466.003)
III. Hàng tồn kho	140	7	108.371.041.832	173.511.342.285
1. Hàng tồn kho	141		108.371.041.832	173.511.342.285
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.803.523.363	35.660.197.424
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		264.548.895	1.112.734.291
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.908.148.194	14.953.339.812
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		17.630.826.274	19.594.123.321
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		127.148.825.680	132.306.643.851
I. Tài sản cố định	220		48.237.445.857	46.460.425.412
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	38.736.696.630	43.760.775.994
- Nguyên giá	222		89.029.937.825	91.582.292.423
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.293.241.195)	(47.821.516.429)
2. Tài sản cố định vô hình	227		23.086.667	49.557.498
- Nguyên giá	228		57.500.000	94.013.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.413.333)	(44.455.523)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		9.477.662.560	2.650.091.920
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		71.646.819.410	75.731.522.153
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	22.800.000.000	22.800.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11	11.300.000.000	11.300.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(12.453.180.590)	(8.368.477.847)
III. Tài sản dài hạn khác	260		7.264.560.413	10.114.696.286
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.264.560.413	10.114.696.286
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		577.051.778.380	684.306.984.895

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		674.479.723.495	639.570.206.682
I. Nợ ngắn hạn	310		595.545.476.168	579.941.188.438
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	128.189.202.585	149.606.851.916
2. Phải trả người bán	312		149.233.869.892	169.032.872.172
3. Người mua trả tiền trước	313	13	209.695.508.527	204.269.810.821
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		1.211.316.357	931.188.395
5. Phải trả người lao động	315		1.980.510.901	552.454.892
6. Chi phí phải trả	316		89.977.323.156	40.202.981.781
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		15.415.926.495	15.413.810.206
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(158.181.745)	(68.781.745)
II. Nợ dài hạn	330		78.934.247.327	59.629.018.244
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	78.934.247.327	59.629.018.244
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		(97.427.945.115)	44.736.778.213
I. Vốn chủ sở hữu	410		(97.427.945.115)	44.736.778.213
1. Vốn điều lệ	411	15	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	1.037.168.132	1.037.168.132
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	2.106.036.698	2.354.415.829
4. Lỗ lũy kế	420	15	(250.571.149.945)	(108.654.805.748)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		577.051.778.380	684.306.984.895



Phạm Chu Tứ
 Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2013

(Handwritten signature)

Vũ Minh Công
 Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Đỗ Thị Thu Hà
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	14.822.905.013	80.594.826.716
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	109.828.707.027	78.855.337.699
3. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(95.005.802.014)	1.739.489.017
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	933.346.636	27.298.142
5. Chi phí tài chính	22	20	18.549.353.701	20.430.936.959
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.397.510.289	16.732.307.742
6. Chi phí bán hàng	24		107.069.441	98.357.342
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.582.594.798	9.370.222.995
8. Lỗ từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-(24+25))	30		(137.311.473.318)	(28.132.730.137)
9. Thu nhập khác	31		716.336.972	386.779.556
10. Chi phí khác	32		5.321.208.391	1.117.734.165
11. Lỗ khác (40=31-32)	40		(4.604.871.419)	(730.954.609)
12. Tổng lỗ trước thuế (50=30+40)	50		(141.916.344.737)	(28.863.684.746)
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
14. Lỗ sau thuế TNDN (60=50-51)	60		(141.916.344.737)	(28.863.684.746)



Phạm Chu Tứ
 Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2013

Vũ Minh Công
 Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hà
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lỗ trước thuế	01	(141.916.344.737)	(28.863.684.746)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	4.767.409.600	5.164.555.291
- Các khoản dự phòng	03	15.443.284.268	3.171.751.047
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(933.346.636)	(5.434.737.182)
- Chi phí lãi vay	06	14.397.510.289	16.732.307.742
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(108.241.487.216)	(9.229.807.848)
- Thay đổi các khoản phải thu	09	19.605.983.786	30.510.312.142
- Thay đổi hàng tồn kho	10	65.122.148.669	(22.486.666.324)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	22.211.466.191	(7.390.995.413)
- Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	4.184.598.228	4.786.358.618
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.170.377.629)	(10.126.588.592)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	974.661.500	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.009.666.952)	(226.010.486)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	677.326.577	(14.163.397.903)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(222.000.000)	-
2. Lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	933.346.636	1.474.429.165
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	711.346.636	1.474.429.165
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.126.153.927	61.567.528.379
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.238.574.175)	(56.675.087.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.112.420.248)	4.892.441.341
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(723.747.035)	(7.796.527.397)
Tiền đầu kỳ	60	3.174.926.084	9.112.298.857
Tiền cuối kỳ	70	2.451.179.049	1.315.771.460



Phạm Chu Tứ
 Giám đốc

Vũ Minh Công
 Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hà
 Người lập

Ngày 22 tháng 8 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-XLKD ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4300368987 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2009, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 7 ngày 05 tháng 5 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 256 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 433 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng, công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; xây dựng các công trình thủy lợi; san lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; xây dựng các công trình đê kè, cầu cảng;
- Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; chế tạo lắp đặt bồn chứa xăng, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt hệ thống đường dây tải điện đến 35 KV và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp; đầu tư kinh doanh bất động sản;

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 145.642.523.468 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 27.940.847.394 VND) và số lỗ lũy kế của Công ty là 250.571.149.945 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 108.654.805.748 VND). Trong kỳ, Công ty gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc Công ty, cùng với sự hỗ trợ của Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đã có kế hoạch tìm kiếm thêm các hợp đồng xây lắp mới, cơ cấu lại các khoản vay ngân hàng, tăng cường việc thu hồi nợ phải thu. Ban Giám đốc tin tưởng Công ty sẽ tạo đủ nguồn tiền để tự tài trợ cho hoạt động của mình. Theo chiến lược phát triển và kế hoạch đầu tư đến năm 2015 của Tổng Công ty Xây lắp dầu khí (“PVC”), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung sẽ là một trong những Công ty được hỗ trợ trong quá trình tái cấu trúc PVC. Vì vậy, Ban Giám đốc đánh giá báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 7
Tài sản khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Công ty con là một công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ phản ánh khoản thu nhập được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được vốn hoá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có khoản lỗ tính thuế là khoảng 250,5 tỷ VND có thể mang sang để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong vòng 5 năm tới. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2013	19.257.925.052	47.936.952.028	16.573.093.316	1.316.553.440	6.497.768.587	91.582.292.423
Mua sắm mới	-	222.000.000	-	-	-	222.000.000
Phân loại lại	-	(2.860.979.592)	3.028.760.000	20.614.545	(188.394.953)	-
Giảm theo Thông tư 45	-	(2.059.429.528)	-	(506.965.790)	(37.490.000)	(2.603.885.318)
Giảm khác	-	(170.469.280)	-	-	-	(170.469.280)
Tại ngày 30/6/2013	19.257.925.052	43.068.073.628	19.601.853.316	830.202.195	6.271.883.634	89.029.937.825
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2013	5.584.395.339	25.651.360.305	11.609.826.161	1.134.130.289	3.841.804.335	47.821.516.429
Khấu hao trong kỳ	449.278.882	2.528.768.707	1.244.569.065	127.341.662	407.848.505	4.757.806.821
Phân loại lại	-	(45.798.678)	65.165.385	(19.366.707)	-	-
Giảm theo Thông tư 45	-	(1.683.882.641)	-	(419.074.399)	(31.519.371)	(2.134.476.411)
Giảm khác	-	(151.605.644)	-	-	-	(151.605.644)
Tại ngày 30/6/2013	6.033.674.221	26.298.842.049	12.919.560.611	823.030.845	4.218.133.469	50.293.241.195
Giá trị còn lại						
Tại ngày 30/6/2013	13.224.250.831	16.769.231.579	6.682.292.705	7.171.350	2.053.750.165	38.736.696.630
Tại ngày 31/12/2012	13.673.529.713	22.285.591.723	4.963.267.155	182.423.151	2.655.964.252	43.760.775.994

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.298.321.554 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 10.170.301.958 VND).

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Khoản đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Dung Quất với giá trị đầu tư là 50 tỷ VND. Thông tin về công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Dung Quất	Bình Sơn, Quảng Ngãi	100%	100%	Sản xuất bao bì

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã trích lập dự phòng khoản đầu tư vào công ty con với số tiền 12.453.180.590 VND, trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và giá trị tài sản thuần Công ty đầu tư vào Công ty con.

Như trình bày ở Thuyết minh số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 01 tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Lọc - Hóa dầu Bình Sơn đã tạm thời nhận bàn giao và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Dung Quất.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Khoản đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cầm với giá gốc khoản đầu tư là 22,8 tỷ VND. Thông tin về công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm	Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	45,5	45,5	Đầu tư, khai thác và kinh doanh khu công nghiệp; kinh doanh bất động sản.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Công ty đã góp vốn bằng tiền là 11,3 tỷ VND ngày 19 tháng 8 năm 2010, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 3,77% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Ban Giám đốc đánh giá không cần trích lập khoản dự phòng đầu tư này do đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	121.471.622.812	123.252.644.530
<i>Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam</i>	<i>72.780.434.336</i>	<i>73.726.475.229</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>19.746.783.181</i>	<i>20.528.341.252</i>
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>	<i>13.244.216.949</i>	<i>13.244.216.949</i>
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh</i>	<i>15.700.188.346</i>	<i>15.753.611.100</i>
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	6.717.579.773	26.354.207.386
	128.189.202.585	149.606.851.916

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ tổ chức tín dụng và các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam, được dùng để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay chịu lãi suất từ 9%/năm đến 18%/năm.

Khoản vay Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam được bảo lãnh bởi Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng bảo lãnh số 21/2011/HĐBL.NH-PVCMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 và các phụ lục. Các khoản vay còn lại được bảo đảm bằng quyền thu các khoản phải thu của Công ty.

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Bao gồm chủ yếu khoản nhận ứng trước từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam liên quan tới dự án "Thi công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát" tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng với số tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 185.335.922.425 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 173.809.450.539 VND).

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn	82.408.347.325	82.739.745.855
<i>Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam</i>	<i>4.168.870.917</i>	<i>4.500.269.447</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương</i>	<i>78.239.476.408</i>	<i>78.239.476.408</i>
Nợ dài hạn khác	3.243.479.775	3.243.479.775
	85.651.827.100	85.983.225.630

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì tại Dung Quất, Quảng Ngãi và mua sắm máy móc thiết bị. Các khoản vay chịu lãi suất từ 12%/năm đến 18,5%/năm. Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Dương được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.717.579.773	26.354.207.386
Trong năm thứ hai	10.694.770.919	16.389.541.834
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	48.000.000.000	43.239.476.410
Sau năm năm	20.239.476.408	-
	85.651.827.100	85.983.225.630
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	6.717.579.773	26.354.207.386
Số phải trả sau 12 tháng	78.934.247.327	59.629.018.244

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn cổ phần**

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012				
(Trình bày lại)	150.000.000.000	430.000.000	1.100.000.000	4.131.746.422
Tăng trong năm	-	607.168.132	1.254.415.829	-
Lỗ trong năm	-	-	-	(109.879.621.687)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(2.906.930.483)
Tại ngày 01/01/2013	150.000.000.000	1.037.168.132	2.354.415.829	(108.654.805.748)
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(141.916.344.737)
Tăng/Giảm khác trong kỳ (i)	-	-	(248.379.131)	540
Tại ngày 30/6/2013	150.000.000.000	1.037.168.132	2.106.036.698	(250.571.149.945)

(i) Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp giá trị hàng tồn kho bị hỏng hóc theo Biên bản kiểm kê tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	<u>Số cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Giá trị cổ phần</u>
		(1000 CP)	(%)	(VND)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.650	51	76.500.000.000
2	Các cổ đông khác	7.350	49	73.500.000.000
	Cộng	15.000	100	150.000.000.000

Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 15.000.000 cổ phiếu. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp. Trong kỳ, Công ty không có hoạt động sản xuất, kinh doanh trọng yếu nào khác; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đều liên quan đến hoạt động xây lắp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

17. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	14.822.905.013	61.702.728.978
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	-	18.892.097.738
	14.822.905.013	80.594.826.716

Công ty hiện đang thực hiện dự án “Thi công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát” tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng. Dự án này được thực hiện theo Hợp đồng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15 tháng 12 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng 08 ngày 26 tháng 6 năm 2013 với tổng giá trị là 196.450.725.322 VND ký với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Trong quá trình thi công, theo yêu cầu của PVC, Công ty đã thi công thêm một số các hạng mục khác hoặc thi công các hạng mục có thay đổi so với các điều khoản đã ký trong hợp đồng gốc. Tuy nhiên khối lượng phát sinh thêm này chưa được hai bên ký thỏa thuận chính thức, mặc dù công việc thi công đã hoàn thành. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, tổng khối lượng đã thi công được ước tính khoảng 260.223.552.074 VND (chưa bao gồm thuế GTGT), giá trị này đã được Viện Kinh tế Xây dựng (Bộ Xây dựng) thẩm tra theo Công văn 342/VKT-TTTV ngày 15 tháng 4 năm 2013 và 938/VKT-TTTV ngày 19 tháng 7 năm 2013. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, doanh thu lũy kế của dự án này đã được Công ty ghi nhận là 196.582.138.645 VND. Nếu được PVC phê duyệt khối lượng thi công theo số đã được thẩm định bởi Viện Kinh tế Xây dựng thì doanh thu còn được ghi nhận là 63.641.413.429 VND. Công ty chưa ghi nhận doanh thu và giá vốn tương ứng của dự án này trong 6 tháng đầu năm 2013 do chưa có thỏa thuận chính thức với PVC. Số tiền Công ty đã được thanh toán và tạm ứng để thực hiện hợp đồng và phần việc phát sinh ngoài hợp đồng từ PVC là 289.585.307.384 VND. Doanh thu và giá vốn liên quan tới công trình này sẽ tiếp tục được ghi nhận khi có sự thống nhất giữa Công ty và PVC.

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	109.828.707.027	59.078.047.543
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	-	19.777.290.156
	109.828.707.027	78.855.337.699

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.545.160.059	41.662.414.189
Chi phí nhân công	12.456.503.756	11.229.268.970
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.579.054.933	4.721.628.415
Chi phí dự phòng các khoản phải thu	11.358.581.525	-
Chi phí trả trước dài hạn	3.624.843.718	5.288.295.958
Chi phí thuê ngoài và chi phí bằng tiền khác	37.513.116.686	4.055.646.245
	73.077.260.677	66.957.253.777

20. LỖ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	23.346.636	27.298.142
Cổ tức được chia	910.000.000	-
	933.346.636	27.298.142
Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	14.397.510.289	16.453.628.025
Dự phòng đầu tư dài hạn	4.084.702.743	3.698.629.217
Khác	67.140.669	278.679.717
	18.549.353.701	20.430.936.959
Lỗ từ hoạt động tài chính	(17.616.007.065)	(20.403.638.817)

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và 14, trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	207.123.449.912	209.235.870.160
Trừ: Tiền	2.451.179.049	3.174.926.084
Nợ thuần	204.672.270.863	206.060.944.076
Vốn chủ sở hữu	(97.427.945.115)	44.736.778.213
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	4,61

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	2.451.179.049	3.174.926.084
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	218.666.301.000	246.598.249.860
Đầu tư dài hạn	11.300.000.000	11.300.000.000
Tổng cộng	232.417.480.049	261.073.175.944
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	207.123.449.912	209.235.870.160
Phải trả người bán và phải trả khác	164.649.796.387	184.446.682.378
Chi phí phải trả	89.977.323.156	40.202.981.781
Tổng cộng	461.750.569.455	433.885.534.319

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lỗ trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ tăng/giảm khoảng 2.044 triệu VND.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng về các khoản dự phòng phải thu khó đòi, Công ty có khoản rủi ro tín dụng đến từ một số khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
30/6/2013				
Tiền	2.451.179.049	-	-	2.451.179.049
Các khoản phải thu khách hàng	218.666.301.000	-	-	218.666.301.000
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	-	11.300.000.000
Tổng cộng	221.117.480.049	11.300.000.000	-	232.417.480.049
30/6/2013				
Các khoản vay và nợ	128.189.202.585	58.694.770.919	20.239.476.408	207.123.449.912
Phải trả người bán và phải trả khác	164.649.796.387	-	-	164.649.796.387
Chi phí phải trả	89.977.323.156	-	-	89.977.323.156
Tổng cộng	382.816.322.128	58.694.770.919	20.239.476.408	461.750.569.455
Chênh lệch thanh khoản thuần	(161.698.842.079)	(47.394.770.919)	(20.239.476.408)	(229.333.089.406)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
31/12/2012				
Tiền	3.174.926.084	-	-	3.174.926.084
Các khoản phải thu khách hàng	246.598.249.860	-	-	246.598.249.860
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	-	11.300.000.000
Tổng cộng	249.773.175.944	11.300.000.000	-	261.073.175.944
31/12/2012				
Các khoản vay và nợ	149.606.851.916	59.629.018.244	-	209.235.870.160
Phải trả người bán và phải trả khác	184.446.682.378	-	-	184.446.682.378
Chi phí phải trả	40.202.981.781	-	-	40.202.981.781
Tổng cộng	374.256.516.075	59.629.018.244	-	433.885.534.319
Chênh lệch thanh khoản thuần	(124.483.340.131)	(48.329.018.244)	-	(172.812.358.375)

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản và gặp một số khó khăn trong việc quản lý dòng tiền trong năm tới. Tuy nhiên, cùng với sự hỗ trợ từ PVC, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

22. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2012, khi công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng đang trong quá trình triển khai thi công thì bất ngờ gặp sự cố. Chủ đầu tư dự án là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc, nhà thầu chính là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), đơn vị thi công phần cọc là Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và lắp máy Dầu Khí (PVC - ME) và đơn vị thi công phần thân và mặt cầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí miền Trung (PVC - MT). Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình này đang phản ánh trên khoản mục hàng tồn kho thuộc bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền là 16.114.334.727 VND.

Theo Công văn số 0045/KMB-DADT ngày 16 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc (chủ đầu tư), nguyên nhân sự cố được xác định là do khách quan. Đến thời điểm lập báo cáo này, phần trách nhiệm của các bên liên quan đến sự cố này chưa được xác định cụ thể.

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo chủ trương của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và PVC, ngày 01 tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Lọc - Hóa dầu Bình Sơn đã tạm thời nhận bàn giao và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Dung Quất (Công ty con của Công ty). Giá trị chuyển nhượng được sẽ được các bên xác định trên cơ sở chứng thư thẩm giá do Công ty Cổ phần Thẩm định và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.



Phạm Chu Tứ
Giám đốc

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hà
Người lập

Ngày 22 tháng 8 năm 2013